

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN
CHIỀU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2023/KDTM-ST

Ngày 31.5.2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-KDTM, Thông báo hoãn phiên tòa số 05/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G (Tên cũ: Công ty TNHH G). Trụ sở: Đường số F, Khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu P - Sinh năm 1975; nơi cư trú: I N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy uỷ quyền ngày 10 tháng 11 năm 2022*), (*Có mặt*).

- Bị đơn: Công ty TNHH B, Trụ sở: Lô 19-1, Khu công nghiệp Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng K - Chức vụ: Giám đốc, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 10 năm 2021, tại Bản trình bày ý kiến ngày 15 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Công ty Cổ phần G (Viết tắt là Công ty G)) trình bày:*

Công ty TNHH G, nay là Công ty Cổ phần G (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 12, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 4 năm 2022) có ký các hợp đồng kinh tế số 01.05.18/HĐKT/TCII-TT ngày 19 tháng 5 năm 2018 và số 01.01.2019/HĐKT/TCH-TT ngày 02 tháng 01 năm 2019 với Công ty TNHH B (Viết tắt là Công ty B). Theo các hợp đồng, Công ty Giấy Thành Công II bán cho Công ty B sản phẩm giấy cuộn; tên sản phẩm, khổ giấy, định lượng, đơn giá đã thỏa thuận cụ thể tại các hợp đồng. Sau khi giao nhận hàng xong và thanh toán các đợt, hai bên đã hoàn tất và đối chiếu xác nhận công nợ như sau:

- Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty B còn nợ của Công ty G số tiền 1.169.611.370 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm mười một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*).

- Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 3 năm 2020, Công ty B còn nợ của Công ty G số tiền 1.120.224.970 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi đồng*).

Công ty G đã xuất hóa đơn đầy đủ nhưng Công ty B vẫn không thanh toán tiền nợ. Công ty G đã điện thoại đôn đốc và gửi nhiều văn bản nhắc nợ nhưng Công ty B vẫn không trả lời.

Do khoản nợ của Công ty B đã quá hạn hơn 03 năm nên Công ty G khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải trả số tiền nợ gốc 1.120.224.970 đồng và tiền lãi chậm trả 420.084.364 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, tạm tính là 45 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn cuối - ngày 26 tháng 01 năm 2019 sau 30 ngày cho đến ngày 26 tháng 11 năm 2022. Tổng số tiền Công ty TNHH B phải trả cho Công ty G là 1.540.309.334 đồng (*Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu ba trăm lẻ chín ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc. Đối với nợ lãi, nguyên đơn thay đổi yêu cầu như sau:

Theo hợp đồng kinh tế đã ký kết thì hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên B (Công ty B) nhận hoá đơn. Do Công ty G không xác định được ngày bàn giao hoá đơn, mặc dù biết Công ty B đã nhận hoá đơn và báo cáo thuế, nên yêu cầu tính lãi từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 do hai bên đối chiếu công nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 3 năm 2020, do Công ty B có thanh toán được số tiền 49.386.400 đồng (*Bốn mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm đồng*) nên đối chiếu số tiền nợ còn lại, mà không phát sinh nợ mới. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày xét xử - ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 41 tháng theo mức lãi suất 10%/năm: $1.120.224.970 \text{ đồng} \times 41 \text{ tháng} \times 10\%/năm$: 12 tháng = 382.743.531 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.502.968.501 đồng (*Một tỷ năm trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm lẻ một đồng*).

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp bản khai; không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Vụ án được Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý ngày 22 tháng 10 năm 2021. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 17 tháng 01 năm 2022, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết căn cứ vào thẩm quyền Tòa án có trụ sở của bị đơn. Ngày 20 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ra Quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu nhận được hồ sơ vụ án do Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi chuyển đến nên đã thụ lý giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn - Công ty TNHH B, nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn - Công ty TNHH G có mã số doanh nghiệp: 400364587, được đổi tên thành Công ty Cổ phần G theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 12, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 4 năm 2022. Do vậy, Công ty Cổ phần G có quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH G theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp:

“Việc thay đổi tên doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G đối với Công ty TNHH B, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH B không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Công ty TNHH B có nợ của Công ty Cổ phần G số tiền 1.120.224.970 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Do Công ty TNHH B đã vi phạm Điều III của các hợp đồng kinh tế đã ký kết nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G, buộc Công ty TNHH B phải thanh toán số tiền nợ 1.120.224.970 đồng là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 50 của Luật Thương Mại.

[2.2] Công ty Cổ phần G yêu cầu Công ty TNHH B thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày xét xử - ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 41 tháng theo mức lãi suất 10%/năm là 382.743.531 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Thời gian yêu cầu tính lãi, mức lãi suất yêu cầu tính lãi phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH B thanh toán cho Công ty Cổ phần G số tiền lãi 382.743.531 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh - thương mại sơ thẩm Công ty TNHH B phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G đối với Công ty TNHH B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Xử: Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán Cổ phần Giấy Thành Công II số tiền nợ gốc 1.120.224.970 đồng, nợ lãi 382.743.531 đồng, tổng cộng là 1.502.968.501 đồng (*Một tỷ năm trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm lẻ một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 57.089.055 đồng (*Năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi chín ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần G số tiền tạm ứng án phí 27.144.246 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000041 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHẠM – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy